**Các hành vi vi phạm về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và mức phạt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vi phạm** | **Hành vi vi phạm** | **Mức phạt tiền** |
| 1 | Hành vi vi phạm về hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu | Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu mà hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| 2 | Hành vi vi phạm về hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu | Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên nếu không bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng |
| 3 | Hành vi vi phạm về hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa | Tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung, thay đổi nội dung hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Làm giả hoặc sử dụng trái phép hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hó | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 20.000.000 đồng | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| 4 | Hành vi vi phạm về ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | Ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc theo giấy phép xuất khẩu hàng hóa, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà bên ủy thác hoặc bên nhận ủy thác không có hạn ngạch hoặc giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| 5 | Hành vi vi phạm về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa | Tự ý tẩy xóa, sửa chữa, sửa đổi, bổ sung, thay đổi nội dung giấy phép tạm nhập tái xuất, giấy phép tạm xuất tái nhập hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Làm giả hoặc sử dụng trái phép giấy phép tạm nhập tái xuất, giấy phép tạm xuất tái nhập hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất có điều kiện khi không đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập những mặt hàng quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép theo quy định | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng |
| Kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất và tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất | Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| 6 | Hành vi vi phạm về chuyển khẩu hàng hóa | Tự ý tẩy xóa, sửa chữa, sửa đổi, bổ sung, thay đổi nội dung giấy phép chuyển khẩu hàng hóa | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Làm giả hoặc sử dụng trái phép giấy phép chuyển khẩu hàng hóa | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Chuyển khẩu không đúng chủng loại hoặc vượt số lượng hàng hóa đã được quy định trong giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Chuyển khẩu hàng hóa theo quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Kinh doanh chuyển khẩu loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng |
| Kinh doanh chuyển khẩu loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh chuyển khẩu | Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| 7 | Hành vi vi phạm về quá cảnh hàng hóa | Quá cảnh hàng hóa không đúng tuyến đường, cửa khẩu được phép quá cảnh | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Quá cảnh loại hàng hóa phải có giấy phép không đúng tuyến đường, cửa khẩu được phép quá cảnh | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Hàng hóa quá cảnh lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn được phép |
| Quá cảnh loại hàng hóa theo quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Tiêu thụ trái phép hàng hóa, phương tiện quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| 8 | Hành vi vi phạm về hoạt động của cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế | Bán hàng miễn thuế vượt quá định lượng quy định | Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Bán hàng miễn thuế không đúng đối tượng | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm dưới 2.000.000 đồng | Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Kinh doanh hàng hóa không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định hoặc bán hàng miễn thuế là xì gà, thuốc lá điếu sản xuất từ nước ngoài hoặc các loại hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định mà giá trị hàng hóa vi phạm từ 50.000.000 đồng trở lên | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Kinh doanh loại hàng hóa không có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Tiêu thụ trái phép ra thị trường nội địa hàng hóa được phép nhập khẩu để bán tại cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế |
| Kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| 9 | Hành vi vi phạm về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cơ quan có thẩm quyền cấp | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Cung cấp các tài liệu, chứng từ không đúng sự thật với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi đề nghị cấp hoặc xác minh Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Tự chứng nhận sai xuất xứ hàng hóa khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Làm giả Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa |
| Cung cấp các tài liệu, chứng từ không đúng sự thật với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc xác minh chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa |
| Sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa giả | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| 10 | Hành vi vi phạm về gia công hàng hóa có yếu tố nước ngoài | Đặt gia công hoặc nhận gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài mà không có hợp đồng theo quy định | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Tiêu thụ tại thị trường Việt Nam máy móc, thiết bị thuê, mượn hoặc nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa, phế phẩm, phế liệu tạm nhập khẩu để thực hiện gia công và sản phẩm gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài không đúng quy định | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Giả mạo hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài |
| Đặt gia công hàng hóa hoặc nhận gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải có giấy phép mà không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| Nhận gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu mà không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định | Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| Đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài để tiêu thụ trong nước loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc hàng hóa bị áp dụng biện pháp khẩn cấp cấm lưu thông, bị thu hồi, tạm ngừng lưu thông hoặc hàng giả và hàng hóa không bảo đảm an toàn thực phẩm |

***Căn cứ pháp lý:***

- [**Nghị định 185/2013/NĐ-CP**](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-185-2013-nd-cp-xu-phat-hoat-dong-thuong-mai-bao-ve-nguoi-tieu-dung-3439b.html) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- [**Nghị định 124/2015/NĐ-CP**](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-124-2015-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-185-2013-nd-cp-xu-phat-vphc-trong-hoat-dong-thuong-mai-483d4.html) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.